

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2018/DS-PT
Ngày 20-9-2018
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Ngô Thị Bích Diệp
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Nguyễn Trung Dũng Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc “tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DSST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 167/2018/QĐPT-DS, ngày 21 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1985; địa chỉ: Số E, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 05/7/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1939; Luật sư thuộc Văn phòng luật sư D – Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1969; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1948;
2. Ông Trịnh Văn M, sinh năm 1974;
3. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1978;
4. Bà Trịnh Thị Kim L, sinh năm 1976;

Ông H, ông M, bà T, bà L cùng trú tại địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

5. Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

6. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

7. Bà Trịnh Thị Kim H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A, đường A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

8. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1948;
9. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1985;
10. Bà Nguyễn Kim O, sinh năm 1981;

Ông C, ông S và bà O cùng trú tại địa chỉ: Số B, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

11. Ông Lê Quốc A, sinh năm 1995;
12. Ông Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1983;
13. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1986;

Ông A, ông C và ông Đ cùng trú tại địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

14. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

15. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962;
16. Ông Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1987;
17. Ông Nguyễn Nhựt Quốc L, sinh năm 1989;

Bà B, ông T, ông L cùng trú tại địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

18. Văn phòng Công chứng T, địa chỉ: Số A, Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1952; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1942; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và người đại diện hợp pháp của ông C là bà Nguyễn Thị Kim V thống nhất trình bày:* Cụ Nguyễn Văn N và cụ Nguyễn Thị R là vợ chồng, có tất cả 08 người con gồm bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1951 (chết năm 2012); ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1953 (liệt sĩ chết trước năm 1975), không có vợ, con; bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1954 (chết năm 1995); ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957; ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1959 (chết năm 1998); bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 (chết năm 2013), không có vợ, con; bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1969.

Bà Nguyễn Thị C chết, hàng thừa kế của bà C gồm có chồng ông Trịnh Văn H và các con Trịnh Văn H, Trịnh Văn T, Trịnh Văn M; Trịnh Thị Kim L; Trịnh Văn T và Trịnh Thị Kim H.

Bà C1 chết, hàng thừa kế của bà C1 gồm có chồng ông Nguyễn Văn C và các con Nguyễn Kim O; Nguyễn Ngọc S. Bà C1 còn có một người con riêng tên Lê Quốc A.

Ông P chết, hàng thừa kế của ông P gồm có vợ tên Nguyễn Thị U và các con Nguyễn Tuấn C và Nguyễn Tấn Đ.

Năm 1985, cụ N chết. Năm 2004, cụ R được Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Ủy ban nhân dân thị xã T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sổ vào sổ 03557QSĐĐ/TTAT ngày 30/11/2004 cho hộ Nguyễn Thị R, diện tích đất 1.502m² thuộc thửa đất số 672 (diện tích 375m²) và thửa đất số 698 (diện tích 1.127m²), tờ bản đồ B2 tọa lạc khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ngày 20/9/2014, cụ R chết. Từ thời điểm cụ R chết cho đến khi phát sinh tranh chấp thì phần đất này do bà G quản lý nhưng chưa được phân chia. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu bà G chia phần đất nói trên cho 06 người theo quy định pháp luật. Cụ thể ông C yêu cầu được hưởng 1/6 kỷ phần bằng hiện vật với diện tích đất 250m² (thuộc thửa đất số 698), không tranh chấp tài sản trên đất và các chi phí mai táng.

Theo kết quả đo đạc thực tế thì diện tích đất là 1.515,8m². Trên thửa đất số 672, có căn nhà một tầng diện tích 88,32m² (kết cấu cột gạch, tường xây gạch, trần la phong nhựa, mái tole, nền gạch ceramic); một căn nhà tạm loại A; một nhà tạm loại B (chuồng gà) và một số cây ăn trái. Trên thửa đất số 698 có đường ống nước xi măng (do ông C lắp để thoát nước), một cây khế (do ông C trồng) và một số chậu kiểng.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:* Thống nhất như lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và di sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.502m² thuộc thửa đất số 672, 698, tờ bản đồ B2 tọa lạc khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nhưng bà G không đồng ý chia, với lý do khi còn sống vào ngày 13/9/2013 cụ R đã lập di chúc cho bà G được Văn phòng công chứng T, tỉnh Bình Dương công chứng; số công chứng 92, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD. Vì vậy, bà G không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về chia thừa kế theo pháp luật và có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận di chúc lập ngày 13/9/2013 cho bà G.

- *Theo bản tự khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Trịnh Văn H, ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị Kim L, ông Trịnh Văn H, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị Kim H (tông chi của bà Nguyễn Thị C); ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Kim O, ông Lê Quốc A (tông chi của bà Nguyễn Thị C1); bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Tuấn C, ông Nguyễn Tấn Đ (tông chi của ông Nguyễn Văn P) và bà Nguyễn Thị B thống nhất trình bày:* Thống nhất như lời khai của bị đơn về quan hệ huyết thống. Về nội dung vụ án, phần đất tranh chấp cụ R đã lập di chúc cho bà G nên yêu cầu Tòa án công nhận di chúc hợp pháp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về chia thừa kế theo pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhựt T, ông Nguyễn Nhựt Quốc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về vụ án.*

Tại biên bản lấy lời khai những người làm chứng ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị R trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp của cha mẹ ông C nhưng ông C là người trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1975 có trồng cây sắn, trồng khô qua, làm cỏ, cắt lúa, trồng hoa màu. Sự việc này Ông L, ông C và bà R biết là do làm thuê cho ông C. Việc xảy ra tranh chấp là bà G xây cất kiốt và giành quyền quản lý, sử dụng đất.

Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DSST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc chia thừa kế theo pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ngọc G về việc yêu cầu công nhận di chúc do cụ R lập ngày 13/9/2013 được Văn phòng công

chứng T, tỉnh Bình Dương công chứng, số công chứng 92, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc nhận thừa kế phần diện tích đất 250m², không yêu cầu phân chia giá trị căn nhà một tầng, cột gạch, tường xây gạch, trần la phong nhựa, mái tole, nền gạch ceramic diện tích 88,32m²; một nhà tạm loại A, một nhà tạm loại B (chuồng gà) và một số cây ăn trái trên thửa đất số 672.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của người thừa kế và thừa kế thế vị gồm bà Nguyễn Thị B, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị Kim L, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị Kim H, ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Kim O, ông Lê Quốc A, ông Nguyễn Tuấn C, ông Nguyễn Tấn Đ về việc từ chối nhận kỷ phần được chia, đồng ý giao lại toàn bộ kỷ phần cho bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G quản lý, sử dụng.

5. Về phân chia hiện vật và thanh toán giá trị tài sản cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn C được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 250m² thuộc thửa đất số 698 tờ bản đồ B2 tọa lạc tại khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03557QSDĐ/TT-AT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R ngày 30/11/2004 và tài sản trên đất gồm đường ống nước xi măng (do ông C lắp để thoát nước), một cây khế và một số chậu kiểng (ký hiệu số I).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc G được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 736,5m² thuộc thửa đất số 698 và diện tích đất 529,3m² thuộc thửa số 672, tờ bản đồ B2 tọa lạc khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03557QSDĐ/TT-AT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R ngày 30/11/2004 và tài sản gồm nhà một tầng, cột gạch, tường xây gạch, trần la phong nhựa, mái tole, nền gạch ceramic diện tích 88,32m²; một nhà tạm loại A, một nhà tạm loại B (chuồng gà) và một số cây ăn trái (ký hiệu số II, III).

- Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc G số tiền 175.375.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc G có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn H mỗi người số tiền 179.104.167 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng).

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03557QSDĐ/TT-AT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R ngày 30/11/2004 để điều chỉnh lại cho phù hợp quyết định trên.

- Ông C, bà G có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tòa sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/5/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo 01 phần bản án sơ thẩm là không chấp nhận bồi hoàn cho bị đơn số tiền 175.357.000 đồng. Ngày 25/5/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G kháng cáo 01 phần bản sơ thẩm là yêu cầu công nhận di chúc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Nguyên đơn kháng cáo không đồng ý bồi hoàn giá trị chênh lệch 175.357.000 đồng cho bị đơn với những chứng cứ sau: Bị đơn được chia đất nhiều hơn nguyên đơn và còn có tài sản gắn liền với đất nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn bồi hoàn cho bị đơn số tiền 175.357.000 đồng là không phù hợp. Hơn nữa, nguyên đơn là người nuôi cha, mẹ cũng như lo chi phí mai táng cho cha, mẹ khi chết. Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, không buộc nguyên đơn phải bồi hoàn cho bị đơn số tiền 175.357.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tại giai đoạn cấp phúc thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo. Xét thấy kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn còn trong hạn luật định nên kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn có căn cứ để xem xét. Qua xem xét hồ sơ vụ án và trực tiếp kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy: Di chúc lập ngày 13/9/2013 của cụ R để giao diện tích đất 1.502m² cho bị đơn, có hai người làm chứng là ông C và ông Đ nhưng hai người làm chứng cho cụ R lập di chúc là người thừa kế theo pháp luật nên đã vi phạm Điều 653 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên di chúc không hợp pháp. Tuy nhiên, di sản này cụ R được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 cho hộ gia đình cụ R nên cũng cần phải xem xét di sản này có phần những người nào trong hộ hoặc họ có đóng góp gì đối với di sản này hay không? nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét vấn đề này là chưa đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án thị xã T giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C, ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị Kim L, ông Trịnh Văn H, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị Kim H, ông Lê Quốc A, ông Nguyễn Tấn Đ, ông Nguyễn Tuấn C, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Nhựt T, ông Nguyễn Nhật Quốc L và Văn phòng Công chứng T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Kim O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ huyết thống các đương sự đều khai nhận thống nhất từ giai đoạn ở Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm: Cụ Nguyễn Thị R, sinh năm 1929, chết ngày 20/9/2014 và cụ Nguyễn Văn N, sinh năm 1925 (theo giấy khai sinh), chết 1985 là vợ chồng. Cụ N và cụ R có 08 người con gồm: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1951 (chết năm 2012); ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1953 (chết trước năm 1975, là liệt sĩ), không có vợ, con; bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1954 (chết năm 1995); ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957, ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1959 (chết năm 1998); bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 (chết năm 2013), không có vợ, con và bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1969. Những người thừa kế thế vị của bà C, bà C1 và ông P, cụ thể như sau:

- Ông Trịnh Văn H, Trịnh Văn T, Trịnh Văn M, Trịnh Thị Kim L, Trịnh Văn T và Trịnh Thị Kim H là người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị C.

- Bà Nguyễn Kim O, Nguyễn Ngọc S và Lê Quốc A là người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị C1.

- Ông Nguyễn Tuấn C và Nguyễn Tấn Đ là người thừa kế thế vị của Nguyễn Văn P.

Cụ N và cụ R không có con riêng. Cha và mẹ của cụ R và cụ N đã mất.

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 1.515,8m², cụ thể: Thừa đất số 672 có diện tích 529,3m² (trong đó có 160m² đất thổ cư; 369,3m² đất nông nghiệp) và thừa đất số 698 có diện tích 986,5m² cùng thuộc tờ bản đồ B2 tọa lạc khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương là di sản của cụ Nguyễn Thị R chết để lại. Bị đơn bà Giàu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần đất tranh chấp trên theo di chúc của cụ Nguyễn Thị R lập ngày 13/9/2013 tại Văn phòng công chứng T, công chứng số 92, quyền số 03TP/CC-SCC/HNGĐ.

Qua xem xét hồ sơ vụ án xét thấy: Đơn khởi kiện của nguyên đơn ghi ngày 22/12/2015 (bút lục số 02), biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2016, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm cũng như lời khai tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều khai thống nhất di sản trên có nguồn gốc của ông, bà nội của nguyên đơn và bị đơn chết để lại cho cha, mẹ (cụ N và cụ R) của nguyên đơn và bị đơn trước năm 1975. Đồng thời xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện di sản này của cụ N và cụ R có được do cha, mẹ của cụ N chết để lại. Như vậy, đủ căn cứ xác định phần di sản mà các đương sự yêu cầu chia là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn N và cụ Nguyễn Thị R. Nhưng sau khi cụ N chết thì đến năm 2004 cụ R mới làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1985, cụ N chết phần di sản của cụ N trong khối tài sản chung với cụ R chưa chia nên nay cần phải xem xét phần di sản của cụ N có còn thời hiệu để chia thừa kế theo pháp luật hay không? Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án nên bỏ qua giải quyết phân chia di sản của cụ N và Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục để giải quyết được, vì không đảm bảo việc thực hiện ở hai cấp xét xử nên cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm điều tra, giải quyết lại cho đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên nguyên đơn và bị đơn không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DSST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023572 ngày 21 tháng 5 năm 2018 (ông Nguyễn Văn C nộp).

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc G số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023572 ngày 01 tháng 6 năm 2018 (ông Nguyễn Quốc A nộp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TX. T;
- TANDTX. T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Bích Diệp